

Nghiên cứu vấn đề pháp lý về liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp

Lê Việt Hà*

*ThS. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh

Received: 18/5/2024; Accepted: 24/5/2024; Published: 29/5/2024

Abstract: This article provides a legal perspective and analyzes several limitations and inadequacies in the State's mechanisms and policies supporting the collaboration between educational institutions and businesses. It then proposes some solutions to enhance the effectiveness of this collaboration, contributing to the provision of high-quality human resources for the country.

Keywords: educational institutions, businesses, training collaboration, mechanisms, policies.

1. Đặt vấn đề

Liên kết đào tạo (ĐT) giữa cơ sở ĐT và doanh nghiệp (DN) là nhu cầu khách quan xuất phát từ lợi ích của cả hai phía. Các DN sẽ đóng vai trò là những nhà cung cấp thông tin để các cơ sở ĐT nắm được nhu cầu của thị trường lao động. Vì lợi ích của chính mình, hoạt động ĐT của cơ sở ĐT luôn hướng tới nhu cầu xã hội, trong đó có nhu cầu DN. Như vậy, các cơ sở ĐT luôn có nhu cầu phải được gắn kết với DN. Trong bối cảnh hội nhập và yêu cầu cạnh tranh trên thương trường, buộc các DN cần xây dựng mối quan hệ hợp tác thường xuyên với nhà trường (NT) để nâng cao chất lượng lao động. Do đó, mỗi liên kết này vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính khả thi cao trong việc đáp ứng lao động cho DN. Trong mối quan hệ này, Chính phủ luôn đóng vai trò quan trọng trong tạo dựng môi trường pháp luật và các chính sách, hình thành liên kết 3 bên: chính phủ - NT - DN.

Ở Việt Nam, hợp tác giữa cơ sở ĐT và DN được Đảng và Nhà nước quan tâm từ thập niên tám mươi trở lại đây. Tuy nhiên, so với thế giới, đặc biệt là các quốc gia châu Âu và Mỹ thì đổi mới về vấn đề này ở Việt Nam rất chậm, đặc biệt các chính sách, cơ chế và giải pháp thực thi trong thực tiễn từ Chính phủ và các Bộ, ngành còn thiếu đồng bộ. Các nội dung hợp tác ở các cấp độ sâu hơn theo xu hướng hội nhập và chia sẻ nguồn lực cùng phát triển trong hợp tác với DN còn hạn chế. Chính vì vậy mà mô hình hợp tác để đưa các chính sách của nhà nước, nhu cầu và nguồn lực của trường, cơ sở nghiên cứu, nhu cầu và nguồn lực của DN gắn lại với nhau là một vấn đề cần nghiên cứu và triển khai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Liên kết giữa NT với DN ở Việt Nam từ góc nhìn pháp quy

Tâm quan trọng của vấn đề liên kết ĐT giữa NT và DN đã được Đảng ta khẳng định rất rõ trong các Nghị quyết qua các thời kỳ. *Quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI* là: “Phát triển giáo dục và ĐT phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan” [2]. Tại Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục chỉ đạo: “Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục, ĐT gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động” [1].

Với những quan điểm chỉ đạo này, Đảng ta luôn xác định rằng, việc liên kết giữa NT và DN là nhu cầu khách quan. Quan điểm này cũng đã được thể chế hóa trong các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành.

Khoản 6 Điều 12 Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung) quy định: “Gắn ĐT với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với DN, tổ chức khoa học và công nghệ”. Khoản 9, điều 28, chương 3, quy định cơ sở giáo dục đại học có quyền và nghĩa vụ “hợp tác với các tổ chức kinh tế” trong và ngoài nước.

Điều lệ Trường đại học quy định tại khoản 2, điều 53 rằng, trường đại học bảo đảm thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, có giải pháp thu hút các DN “tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; góp ý kiến cho NT về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ ĐT, phát triển chương trình ĐT; hỗ trợ kinh phí cho người học và

tiếp nhận người tốt nghiệp, giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh”; Khoản 2, điều 54, chương 6 quy định trường đại học phối hợp với các DN trong và ngoài nước để “xác định nhu cầu ĐT, gắn ĐT với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký các hợp đồng ĐT, các hợp đồng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội”; Khoản c, điều 15, chương 2 quy định rõ Khoa có nhiệm vụ “lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề ĐT và huy động sự tham gia của DN vào quá trình ĐT”.

Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 cũng đã dành chương IV để quy định về quyền và trách nhiệm của DN trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, khoản 4, 5 Điều 51 quy định DN “Được tham gia xây dựng chương trình, giáo trình ĐT; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp”; “Các khoản chi cho hoạt động ĐT nghề nghiệp của DN được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế”.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành Thông tư 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình ĐT.

Như vậy, có thể thấy nhà nước ta đã xây dựng khung khổ pháp lý cho mối liên kết ĐT giữa NT và DN, từ cấp độ luật cho tới thông tư. Tuy nhiên, các quy định này vẫn còn khá chung chung, trong quá trình triển khai thực hiện còn gây nhiều khó khăn cho cả phía NT và DN. Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến 2025 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cũng có đề xuất miễn thuế các hoạt động ĐT do DN thực hiện đối với người lao động của chính DN hoặc cho xã hội; đưa ra chính sách để DN tham gia tất cả các công đoạn của quá trình ĐT. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có quy định cụ thể nào.

Trên thực tế, nhiều DN chưa mấy mặn mà với việc hợp tác với NT trong lĩnh vực ĐT. Do đó, cần phải hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về thể chế

và chỉ đạo đối với lĩnh vực này. Chúng ta cũng cần phải gỡ bỏ những rào cản ở cả các cấp quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và DN.

2.2. Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ cho việc hợp tác giữa trường đại học và DN trong giai đoạn hiện nay

2.2.1. Về phía nhà nước

Cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các văn bản dưới luật trong lĩnh vực liên kết ĐT giữa NT và DN theo hướng cụ thể, rõ ràng, minh bạch, tránh tình trạng chung chung, gây khó khăn cho các bên trong quá trình triển khai thực hiện.

Cần đổi mới và tăng cường công tác quản lý của nhà nước trong việc xây dựng mối gắn kết bền vững giữa NT và DN. Nhà nước cần có chính sách, cơ chế phối hợp chặt chẽ về nguồn nhân lực giữa NT và DN. Tăng quyền tự chủ cho NT về quy mô ĐT, hình thức tuyển sinh, xây dựng chương trình ĐT, thu chi nguồn tài chính... Khuyến khích cạnh tranh giữa các cơ sở ĐT để tăng động lực phát triển giữa các NT với nhau về chất lượng sản phẩm ĐT, uy tín cũng như hình ảnh, thương hiệu của NT. Hoàn thiện cơ chế tổ chức và hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng ĐT.

Nhà nước cần có trung tâm dự báo nhu cầu ĐT nhân lực có sự phối hợp với các ngành ở địa phương và tham gia của NT và DN để thường xuyên thống kê cung - cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao trên tất cả các ngành nghề trong xã hội để điều tiết lĩnh vực giáo dục - ĐT cho phù hợp. Phải phân tích, dự báo về sự biến động của các ngành nghề để các cơ sở giáo dục có chiến lược ĐT phù hợp. Cần có cơ chế, chính sách để thúc đẩy sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa NT và DN và quy định trách nhiệm của DN trong việc cung cấp thông tin về nhu cầu lao động và hỗ trợ trong quá trình ĐT. Nhìn chung, đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng mối gắn kết bền vững giữa NT và DN chủ yếu ở 3 mặt: Định hướng, khuyến khích và hỗ trợ.

2.2.2. Về phía cơ sở đào tạo

NT cần xây dựng các chính sách, các quy định rõ ràng về hình thức, nội dung, cơ chế hợp tác với DN. Quan trọng nhất, NT cần phải tự mình nâng cao năng lực ĐT, xây dựng chuẩn đầu ra cho người học cần có sự tham khảo nhu cầu thị trường và DN.

Hiện nay, chương trình ĐT là do chính các trường đại học xây dựng dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và ĐT. Tuy nhiên, để chương trình có thể đáp ứng yêu cầu của xã hội, tức là thỏa mãn

được đa số DN thì chương trình khung cần được xây dựng một cách quy mô. Nhà nước và Bộ Giáo dục và ĐT nên đứng ra khảo sát, lấy ý kiến của các DN về những kiến thức, kỹ năng cơ bản tương ứng với ngành nghề và trình độ ĐT. Từ đó, xây dựng chương trình khung kiến thức, kỹ năng chuẩn để các trường tự xây dựng chương trình ĐT của mình. Trên cơ sở đó, các trường cần tăng cường cơ chế hợp tác với các DN để biên soạn chương trình ĐT, đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo khoa học có sự đóng góp ý kiến của các DN. Có thể thấy, đây là phương pháp hiệu quả để các trường có thể trao đổi kiến thức cũng như yêu cầu đối với người lao động của các DN. Khi đã có chương trình ĐT, các trường phải thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chương trình để thích ứng với nhu cầu xã hội luôn thay đổi.

NT cần thực hiện tốt phương châm ĐT những gì xã hội cần chứ không ĐT những gì NT có, ĐT lấy người học làm trung tâm. Kiểm tra chặt chẽ, sâu sát chất lượng của sinh viên, thực hiện phương pháp đánh giá từ bên ngoài (người sử dụng lao động) kết hợp với đánh giá bên trong (NT). Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục bằng việc liên kết về tài chính và cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho đội ngũ doanh nhân trực tiếp tham gia giảng dạy. Nguồn tài chính của phần lớn NT ở nước ta hiện nay vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và học phí. Cả hai nguồn vốn này, về cơ bản chỉ đủ cho NT duy trì các hoạt động ĐT. Do đó, NT muốn có nguồn tài chính dồi dào cần phải thực hiện tốt công tác xã hội hóa dựa vào DN và nhà tài trợ dưới các hình thức: học bổng cho sinh viên học giỏi hoặc sinh viên nghèo vượt khó, cung cấp nguồn nhân lực cho công tác giảng dạy, hợp đồng nghiên cứu khoa học... Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Đây là hình thức hợp tác cao nhất giữa NT và DN.

2.2.3. Về phía doanh nghiệp

Trước hết các nhà lãnh đạo DN cần nhận thức được về tầm quan trọng của việc tuyển chọn nhân lực phù hợp là điều hết sức quan trọng với DN trong tương lai. Do đó, các DN cần, tạo lập các chính sách nội bộ DN để thúc đẩy và xây dựng nền văn hóa sáng tạo trong DN, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học tại DN; có cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, khuyến khích đội ngũ nhà khoa học ở các trường đại học tham gia vào các dự án và chia sẻ học thuật với DN...

Bên cạnh đó, DN cùng tham gia ĐT bằng cách

góp ý kiến về xây dựng, đánh giá và cải tiến chương trình ĐT thông qua việc cung cấp thông tin, phản biện nội dung chương trình ĐT qua đó NT có thể chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế. DN hỗ trợ tài chính cũng như cơ sở vật chất bằng các hình thức như hỗ trợ học bổng cho sinh viên, ký kết các hợp đồng tư vấn, nghiên cứu khoa học. Mặt khác, DN có thể cử các chuyên viên, chuyên gia, kỹ sư, công nhân lành nghề tham gia trực tiếp giảng dạy hoặc hướng dẫn thực hành tại NT hoặc tại DN.

3. Kết luận

Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng trong khu vực và trên thế giới thì mối gắn kết giữa NT và DN là rất quan trọng xuất phát từ yêu cầu khách quan của quy luật kinh tế, quy luật cung cầu, đảm bảo hài hòa lợi ích từ ba bên: Nhà nước – NT – DN. Có thể khẳng định rằng mối gắn kết bền vững giữa NT và DN có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm ĐT của NT, đồng thời là nguồn nhân lực chất lượng đầu vào của DN. Vì vậy, xây dựng và củng cố mối gắn kết bền vững giữa NT và DN trong việc phát triển nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ bắt buộc và là đòi hỏi của xã hội.

NT và DN cần phải có những giải pháp đồng bộ và tối ưu nhằm xây dựng và phát triển mối gắn kết bền vững này. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện hệ thống chính sách cũng cần phải được triển khai trên cơ sở bổ sung thêm nhiều cơ chế nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả mối gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với DN.

Tài liệu tham khảo

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 27.

[2]. Theo: <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/ngghi-quyet-hoi-ngghi-bch-trung-uong/khoa-xi>.

[3]. Dương Đình Dũng (2019), *Thúc đẩy quan hệ giữa trường dạy nghề và DN trong bối cảnh hội nhập*, Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam, 20/9/2019.

[4]. Ngô Bình Duy (2017), *Nghiên cứu mối quan hệ giữa trường đại học và DN: Thực trạng và kiến nghị*, Tạp chí Công thương, số 04 + 05 tháng 04/2017.

[5]. Đinh Văn Toàn (2016). “*Hợp tác đại học - DN trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam*”. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, pp. 69-80.